Cứ mỗi năm vào mùa Đại Lễ Phật Đản, Phật Tử khắp năm châu lại náo nức đón mừng ngày Đức Từ Phụ ra đời với tấm lòng tri ân và thành kính. Hình ảnh Thái Tử Tất-đạt-đa bước bảy bước, với mỗi bước đi đều có hoa sen nở ( liên hoa bảy bước xưng tôn ), đưa tay chỉ trời và tay chỉ đất mà nói và tạm dịch" Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn" đã khắc hoạ sự Đản sanh của một Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Câu nói này là một chân lý của Đạo Phật với những giá trị nội tại và triết lý nhân sinh sâu sắc, nhưng đồng thời vẫn gây nên những ngộ nhận từ sự hư thuyết đi ngược lại với nền tảng cốt lõi của Đạo Phật. Nhân mùa Phật Đản, Phật Tử Lộc Uyển Pháp Viện chúng con xin được ghi lại những lời giảng của Thầy Thích Linh Tấn nhằm làm sáng tỏ chân lý tối thượng của Đức Thế Tôn về câu nói chân Đạo lúc Đản Sanh của Ngài.

Thường cuộc đời của Đức Phật được chia làm 4 giai đoạn, nhưng để hiểu về câu nói có chữ “aham asmi “Ngã”, Thầy đã phải khai triển thêm giai đoạn trước khi Ngài Đản Sanh, vậy để hiểu được đầy đủ ý nghĩa thông điệp Đản Sanh của Ngài thì trải qua năm giai đoạn. Ở giai đoạn thứ nhất, Ngài là vị Nhất Sanh Bổ Xứ Bồ-tát, hiệu là Hộ Minh (1) (Prabhapala Bodhisattva) trên Cung Trời Đâu Suất đã tu từ vô lượng kiếp thị hiện ở thế gian với hai mục đích chính là, để đạt thành Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác và mang đến sự lợi ích an vui cho chúng sanh. Bốn giai đoạn khác về cuộc đời của Người là Đản Sanh, Xuất Gia, Thành Đạo ( 45 năm nói Pháp ) và Nhập Diệt. Thế nhưng, chúng ta sẽ đi sâu vào giá trị sâu sắc về Nhân Vô Ngã và Pháp Vô Ngã từ câu nói của Đức Thế Tôn lúc Đản Sanh trong kinh:

“Aggo’ham asmi lokassa – “Ta là bậc tối thượng của thế gian

Settho’ham asmi lokassa – Ta là bậc tối thắng của thế gian

Jettho’ham asmi lokassa -- Ta là nhất trong của thế gian

ayam antimā jāti, natthi dāni punabbhavo” (D.ii.15). Đây là lần cuối cùng ta sanh ra, không còn tái sanh trở lại”. (2)

Hán Việt dịch tóm 3 câu trên: " Thiên thượng thiên hạ, duy Ngã độc tôn".

Để hiểu câu nói này, chúng ta sẽ phân tích về 4 phương diện: thứ nhất là ngôn ngữ, thứ hai là triết học Ấn giáo, thứ ba là phần tư duy chấp ngã của chúng sanh và cuối cùng là ý nghĩa chân thật của Như Lai.

Thứ nhất, theo ngôn ngữ Pali từ “aham asmi”, Hán việt là "Ngã" là “Ta là, Tôi là”. “Aham asmi” là chủ từ ( Subject Pronoun) trong câu trên. Trong Hán Việt “Ngã “ là “Atta” trong tiếng Pali, tuy không nằm trong câu nói của Bồ-tát, đối với Ấn giáo Atta có thể ví như một linh hồn tồn tại và bất biến. Họ khát khao đi tìm chân lý ngoài cái thân nội tại. Họ cho rằng cái Ngã nằm ở trong mỗi người nên không bao giờ mất và biến đổi, tự ngã siêu việt, trường cửu và không sinh không diệt, cho dù khi thân xác huỷ diệt, linh hồn vẫn tồn tại. Những người ngoại đạo đi theo con đường tu hành luôn mong muốn phá đi cái TIỂU NGÃ (Atta) tồn tại trong vỏ bọc của chính mỗi người để nhập vào thế gian bao la của ĐẠI NGÃ (Brahma). Vậy đứng trên phương diện nhân thức Aham asmi (Ngã-đại từ) được hiểu như là danh xưng và hình tướng (rupa) bên ngoài, sẽ thay đổi theo không gian và thời gian. Nhưng Atma (Ngã linh hồn) tiềm ẩn bên trong, nương gá vào hình tướng (rupa) sẽ mãi tồn tại. Khi Atta được phóng thích ra khỏi hình tướng(Rupa) thì được hòa với Brahma. Quá trình tu tập của Ấn giáo đến đây gọi là giải thoát (Moksha)

Theo ngôn ngữ thế gian, cách tư duy hữu ngã bình thường của chúng sanh, diễn giải chữ Ngã (aham asmi) trong câu nói của Bồ-tát như là một chúng sanh đầy ngã mạn, tự cao, tự đại ..v.vv. trong thế gian nầy không ai bằng “Ta”. Không thể chấp nhận lời nói của kẻ sơ sinh và khinh thường tất cả chư thiên và loài người. Lối tư duy hữu ngã, tức ngã si, ngã mạn, ngã ái và ngã kiến, đã áp đặt trên câu nói của Ngài và xem Bồ-tát như là một chúng sinh bình thường, thật họ đã vô tình hay cố ý bác bỏ và kh- ông muốn biết về vô lượng kiếp quá khứ tu Bồ-tát hạnh.

thứ ba, cũng có rất nhiều vị diễn giải chữ Ngã, phải hiểu là “Chúng Ta” thay vì Ta, để nói là con người (chúng ta) là tối thượng, diễn giải như thế mục đích là tránh sự hiểu lầm về câu nói của Phật về chữ Ngã là “Ta”, tuy nhiên, đều này lại tạo ra một sự hiểu lầm không thoát ra khỏi thế giới nhị nguyên, so sánh con người là cao tột so với những loài chúng sanh khác, giải thích như thế lại gây thêm sự hiểu lầm và tranh cãi về sự bình đẳng tánh của Phật giáo. Lại có người cố gắng ép từ Ngã trong câu nói của Bồ-tát là “Chơn Ngã”, lại càng gây rắc rối và khó hiểu.

Như vậy, cuối cùng trong câu nói của vị Bồ-tát giải thích như thế nào cho đúng ý nghĩa và chủ trương của Phật giáo nằm ở hai mục đích Đức Phật ra đời như đã nói trên.

Trong Phật giáo thường có câu “Phật pháp bất lý thế gian giác”, là vị Nhất Sanh Bổ Xứ Bồ-tát, có nghĩa là vị Bồ-tát chỉ còn sanh một lần nữa ở cõi saha nầy là hoàn tất sự nghiệp giác ngộ. Như vậy, khi ở trên cung trời Đâu Xuất, Ngài là vị Đẳng Giác, Diệu Giác Bồ-tát giáng thần trong thế gian nầy, vì nguyện lực, nên không còn mãy may vi trần lậu hoặc do tư duy hữu Ngã mà có. Nói cách khác là những phiền não tham, sân, si, mạng, nghi không còn, những loại hoặc từ kiến hoặc đến trần sa hoặc đã dứt trừ, vô minh hoặc thì còn tồn động như cái bóng. Như vậy, chữ Ngã, Bồ-tát chỉ tạm dùng ngôn ngữ giã lập của thế gian, để chỉ cái chân lý cao tột “Vô Ngã” của các Pháp. Chữ Ngã tức là Vô Ngã mà Vô Ngã chính là Niết-bàn. Nếu chúng ta thay vào chữ Ngã thành Vô Ngã hay Niết-bàn, thì câu nói của Bồ-tát thành:

“Thiên thượng thiên hạ

Duy Vô Ngã (Niết-bàn) độc Tôn”

Cốt lõi giáo lý của đạo Phật đều nằm gọn trong câu này, nền giáo dục tuyệt hảo, hướng chúng đến sự giải thoát toàn diện, là lý trung đạo, chính đây là mục đích của Bồ-tát đến cõi saha nầy đó là, tự giác và giác tha. Ngài không thể không dùng ngôn ngữ mà mọi người đã và đang dùng trong thời ấy và quốc độ ấy.

Để chứng minh Ngã tức là Vô Ngã, và Vô Ngã tức Ngã. Trong Phật giáo Bắc truyền, hệ thống Bát-nhã được xem như là trọng tâm của Phật giáo, Đức Phật đã bỏ 22 năm để thuyết giảng về tánh không, nhằm phá tan sự chấp Có và Không của các pháp. Chúng sanh vì vô minh nên chấp năm uẩn (sắc thọ tưởng hành và thức) là Ngã, là thật, là thật có và tồn tại độc lập và lại càng vô minh hơn, chấp năm uẩn (sắc thọ tưởng hành và thức) là không, nghĩa là không có, nên cũng bị lạc vào chấp cái không có, vì chấp vào không nên cũng gọi là chấp Ngã, vì có đối tượng và chủ thể. Đức Phật đã dạy về tự tánh của năm uẩn đều là không, đều là giả và là trung đạo. Chữ “không” chính là tánh không, là bản thể, là thể tánh, là chơn như ..v.vv..Như vậy, “aham asmi” không có liên hệ đến ý nghĩa thứ hai “atta”, vì trong Phật giáo dù là Nam hay Bắc truyền đều chủ trương Vô Ngã “anatta”. Vì các pháp do duyên sinh không có thực thể, chính đây chính là Pháp Ấn của Phật giáo.

TA nhưng cái Ta nầy hoàn toàn vắng mặt tham ái, chấp trước, phiền não, mà, thuần túy là mượn ngôn ngữ của thế gian mà nói lên cái xuất thế gian. Hơn nữa, theo Phật giáo, ngôn ngữ của chúng sanh là giả danh, không phải là thật. "Y nghĩa bất y ngữ " tức là khi luận về giáo pháp, chúng sanh không nên y cứ và chấp vào từ ngữ một cách thái hóa, mà nên y cứ vào ý nghĩa. Chư vị Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo “dĩ huyễn độ chân” ( dùng huyễn để thấy được chân lý). Vậy thì, khi Thái Tử Tất đạt Đa nói " Thiên thượng thiên hạ , duy ngã độc tôn", cái NGÃ của Ngài là cũng là TA, ***nhưng tâm của Ngài không vướng bận vào cái giả danh***. Ngài chỉ muốn dùng cái giả danh, ngôn ngữ của thế gian để nói về cái TA ***hoàn toàn vắng mặt ngã si, ngã mạn, ngã ái và ngã kiến.***

Chúng sanh phàm phu thường chấp NGÃ là TA, được tạo thành (pancaskhandah)ngũ uẩn **SẮC- THỌ -TƯỞNG- HÀNH- THỨC**, bởi thế tâm chấp NGÃ đầy tham sân si ấy, nên sẽ nhận thấy thế giới bên ngoài đâu đâu cũng đầy dẩy khổ đau sân hận (chánh báo và y báo). Chúng sanh trôi lăn trong bể đời sầu bi khổ ưu não và sanh tử luân hồi, cũng do cách nhìn về thế giới hiện hữu. Chúng sanh vì CHẤP NGÃ nên bị các pháp làm chủ, cho rằng ***NGÃ là TA, TỰ NGÃ là CỦA TA,*** thấy cảnh bi ai thì sầu bi than khóc, đắm chìm vào cảnh vui thì háo hức mê muội .Đức Phật (Pháp Vương- Vua của các Pháp) thấy được chúng sanh chấp có NGÃ (TA) và NGÃ SỞ (của TA). Ngài đã dạy nếu ***đoạn diệt được sự chấp NGÃ,*** thì bất cứ nơi nào và bất cứ nơi đâu cũng là NIẾT BÀN, bởi **NIẾT BÀN là sự vắng mặt của khổ đau do chấp ngã**. Sau nầy Phật giáo Bắc Truyền do nhiều luận sư đã triển khai thêm phần vô Pháp, nhưng trong phạm vi của bài giảng Thầy chỉ phân tích giới hạng ở Vô Ngã.

Vậy, chữ NGÃ trong " Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn" là cái TA không vướng mắc, là VÔ NGÃ. Tính KHÔNG là bản thể của vạn pháp, không có tự ngã, không có tự tính và tuỳ thuộc vào NHÂN DUYÊN ( trích Bồ Tát Long Thọ). Tóm lại, " THIÊN THƯỢNG THIÊN HẠ, CHỈ CÓ VÔ NGÃ LÀ CAO THƯỢNG TỘT BẬT" chính là mục đích cho sự ra đời của Đức Phật. Toàn bộ hệ thống giáo pháp của Người đều nằm ở hai chữ VÔ NGÃ , nghĩa là 45 năm nói Pháp của Đứ c Phật luôn rốt ráo hướng đến VÔ NGÃ.

₰₰₰₰₰₰

**Notes:**

1)Khi Phật Nhiên Đăng thấy *Sumedha*, Ngài nói: "Ông hoàng kia là một vị Phật tương lai. Bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp sau này ông ta sẽ thành Phật tên Cồ-đàm". Đó là lời của Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ông hoàng Bà-la-môn *Sumedha*. Sau khi Phật Nhiên Đăng đến những vị Phật sau: *Kodanna, Màngala, Sumana, Revata, Sobhita, Anomadassì, Paduma, Naràda, Padumuttara, Sumedha (Thi*ện Huệ này khác với Bà-la-môn, mà Phật Nhiên Đăng thọ ký)*, Sujàta, Piyadassì Atthadassì, Dhammadassì Siddhattha, Tissa, Phussa, Vipassì*(Tỳ-bà-thi), *Sikhì*(Thi-khí), *Vessabhù* (Tỳ-xá-phù), *Kakusandha*(Câu-lưu-tôn), *Konàgamana* (Câu-na-hàm-mâu-ni) và *Kassapa*(Ca diếp) và Gotama (Cù Đàm – Thích-ca Mâu-ni Phật). (trích trong Buddhavamsa)

Theo kinh Trường-A-Hàm, mục Sơ-Ðại-Bản-Duyên, thì ở cõi Ta-Bà này đã có 6 vị Phật ra đời trước đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni. Thuộc kiếp Trang-Nghiêm có các vị Phật Tỳ-Bà-Thi (Vipassin), Thi-Khí (Sikhin) và Tỳ-Xá-Phù (Visvabhu, Vessabhu). Thuộc kiếp Hiền có các vị Phật Câu-Lưu-Tôn (Kakucchandha), Câu-Na-Hàm (Konagamana) và Ca-Diếp (Kassapa), rồi đến Thích-Ca-Mâu-Ni (Sakyamuni). (trích trong Buddhavamsa)

Ðức Bổn Sư trước khi hiện thân thành đạo vô thượng ở cội Bồ Ðề, để rồi trở nên vị Giáo Chủ cao cả của cõi Ta Bà, ngài là **Thiện Huệ Bồ Tát Sumedho Bodhisattva** dưng hoa trải tóc cúng dường Phật Nhiên Ðăng và là **Hộ Minh Bồ Tát Prabhapala Bodhisatta** ngự ở cung trời Ðâu Suất v.v...

2)Sammukhā metaṃ, bhante, bhagavato sutaṃ, sammukhā paṭiggahitaṃ: ‘sampatijāto, ānanda, bodhisatto samehi pādehi pathaviyaṃ patiṭṭhahitvā uttarābhimukho sattapadavītihārena gacchati, setamhi chatte anudhāriyamāne, sabbā ca disā viloketi, āsabhiñca vācaṃ bhāsati—aggohamasmi lokassa, jeṭṭhohamasmi lokassa, seṭṭhohamasmi lokassa. Ayamantimā jāti, natthi dāni punabbhavo’ti. Yampi, bhante … pe … idampāhaṃ, bhante, bhagavato acchariyaṃ abbhutadhammaṃ dhāremi. (18) (Majjhima Sutta No. 123)